

Ngày 30/09/2025	7,000 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	2.9%	-1.3%	20.1%

Q3/25		
ROE	1.1%	+/- YoY ▼ 3.8%

Q3/25		
DT thuần	5,225	QoQ ▲ 201 ▲ 4.0%
	tỷ VNĐ	YoY ▲ 783 ▲ 17.6%

9T 2025		
DT thuần	15,498	YoY ▲ 768 ▲ 5.2%
	tỷ VNĐ	

Q3/25		
LN gộp	204	QoQ ▼ 18.0 ▼ 8.1%
	tỷ VNĐ	YoY ▲ 43.0 ▲ 26.7%

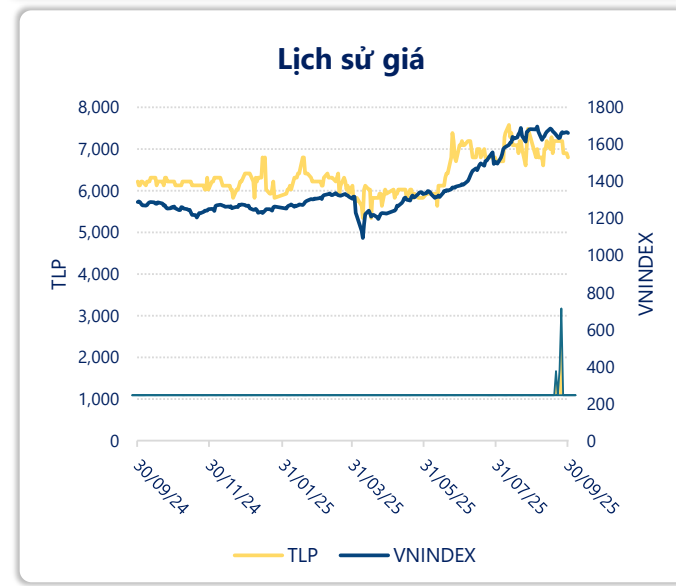
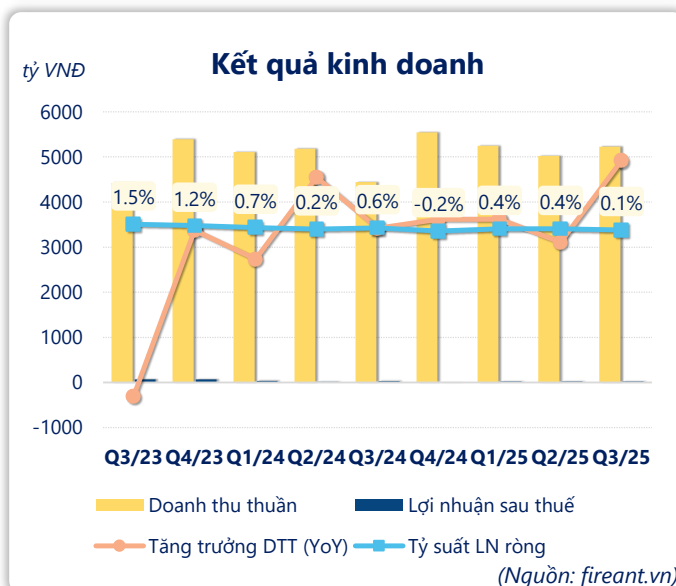
9T 2025		
LN gộp	601	YoY ▲ 80.0 ▲ 15.5%
	tỷ VNĐ	

Q3/25		
LN thuần	21.9	QoQ ▼ 2.90 ▼ 11.7%
	tỷ VNĐ	YoY ▼ 5.00 ▼ 18.6%

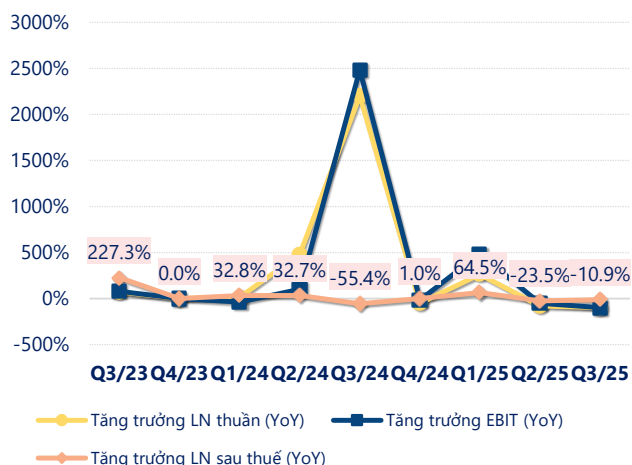
9T 2025		
LN thuần	73.0	YoY ▼ 6.30 ▼ 8.0%
	tỷ VNĐ	

Q3/25		
LN sau thuế	19.1	QoQ ▼ 3.30 ▼ 14.6%
	tỷ VNĐ	YoY ▼ 8.80 ▼ 31.5%

9T 2025		
LN sau thuế	65.0	YoY ▼ 15.7 ▼ 19.4%
	tỷ VNĐ	

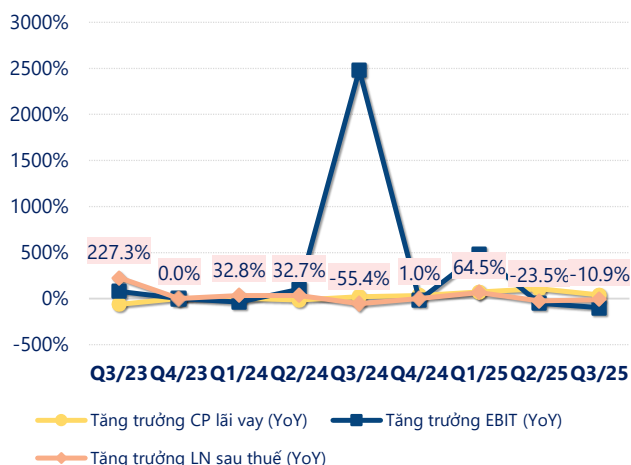


Tăng trưởng lợi nhuận



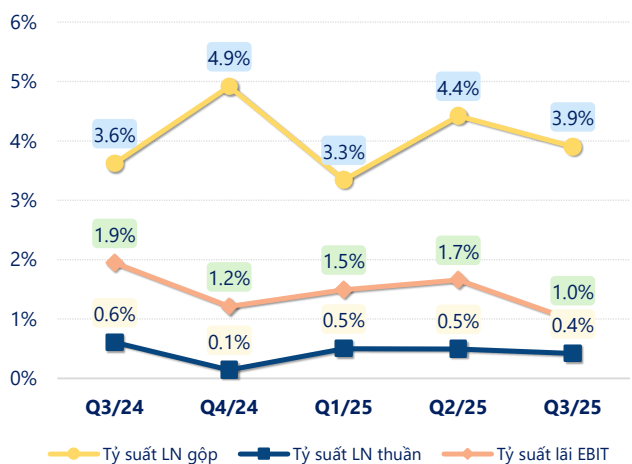
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng chi phí



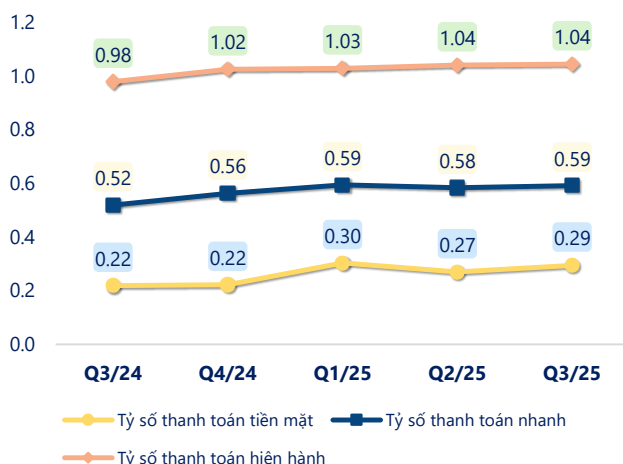
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



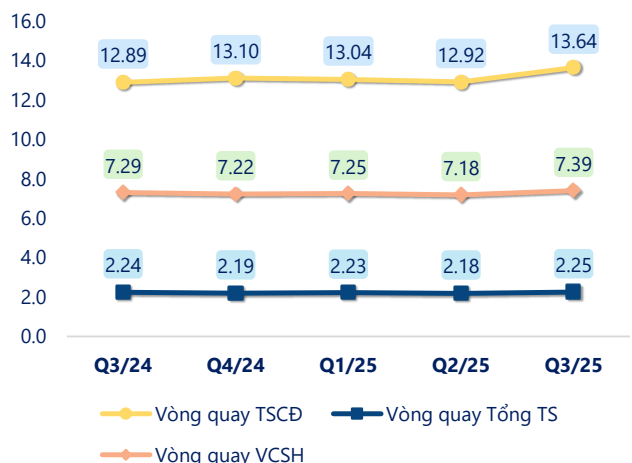
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



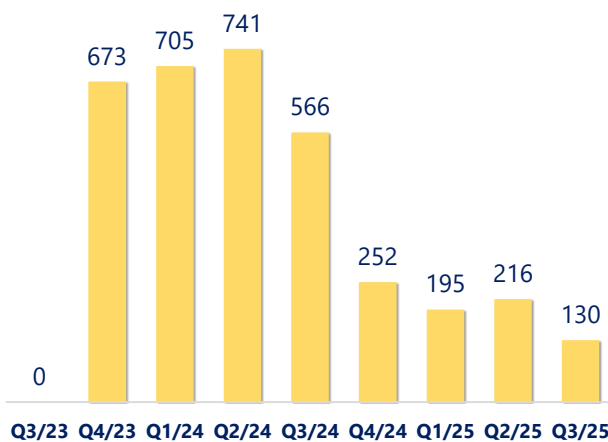
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

EPS



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	5,225	4,442	17.6%	15,498	14,730	5.2%
Giá vốn hàng bán	5,021	4,281	17.3%	14,897	14,209	4.8%
Lợi nhuận gộp	204	161	26.7%	601	521	15.5%
Doanh thu HĐTC	14.8	32.4	-54.3%	37.1	49.1	-24.4%
Chi phí TC	64.7	60.0	7.9%	209	186	12.4%
Chi phí lãi vay	29.1	55.2	-47.2%	138	149	-7.2%
LN trong công ty LKLD	10.7	7.76	38.4%	24.3	14.8	64.0%
Chi phí bán hàng	119	88.1	35.3%	267	244	9.5%
Chi phí QLDN	23.7	26.0	-9.0%	114	75.1	51.0%
LN thuần từ HĐKD	21.9	26.9	-18.6%	73.0	79.3	-8.0%
Lợi nhuận khác	0.07	4.16	-98.4%	1.60	10.7	-85.1%
LN trước thuế	22.0	31.1	-29.4%	74.6	90.0	-17.2%
Lợi nhuận sau thuế	19.1	27.9	-31.5%	65.0	80.7	-19.4%
LNST của CĐ cty mẹ	4.35	24.8	-82.5%	42.2	71.0	-40.5%

(Nguồn: fireant.vn)

